

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1316/2026/DS-PT
Ngày 02-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Luật

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2648/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 7363/2026/QĐ-PT ngày 19/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Á, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2023); có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trương Thị Á

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Phạm Quốc L trình bày:

Từ sự quen biết và sự tín nhiệm của bà Trương Thị Á đối với bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Ngọc T. Ngày 25/10/2022 với lý do nhu cầu vay vốn làm ăn, bà H, ông T vay bà Á số tiền 1.700.000.000 đồng. Các bên có lập Giấy nhận nợ ngày 25/10/2022, bà Trương Thị Á đại diện bên cho vay, bà Đỗ Thị H đại diện bên vay. Tuy nhiên việc vay mượn tiền giữa bà Á, bà H, có sự chứng kiến của ông T. Vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Ngọc T cùng làm Giấy nhận nợ, cùng nhận tiền vay, bà H là người đại diện cho vợ chồng ký tên trong giấy nợ.

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T, bà Đỗ Thị H vay tiền nhằm phục vụ nhu cầu làm ăn, nhu cầu cuộc sống cấp thiết của hai vợ chồng. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Để làm tin, bảo đảm trả nợ cho bà Á, bà H và ông T giao cho bà Á 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số ĐĐ 054408 mang tên bà Đỗ Thị H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/08/2022. Bà H, ông T cam kết khi thanh toán đủ nợ cho bà Á, bà H và ông T sẽ lấy lại sổ đất nêu trên.

Tại Giấy nhận nợ bà H, ông T cam kết thời hạn trả nợ là ngày 03/02/2023, tuy nhiên đến ngày 03/02/2023 bà H, ông T xin gia hạn đến ngày 03/7/2023 sẽ bán đất để trả hết số nợ cho bà Á.

Ngày 24/04/2023 bà Á gửi Thông báo cho bà H, ông T thông báo ngày trả nợ cho bà Á là ngày 03/7/2023. Tuy nhiên cho đến nay bà H, ông T không thực hiện, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Á.

Bà Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Á số tiền là nợ gốc là 1.700.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật 10%/năm tính từ ngày 04/7/2023 đến ngày 09/9/2025 (ngày có Quyết định đưa vụ án ra xét xử).

Quá trình làm việc, biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận có nợ bà Trương Thị Á số tiền 1.700.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25/10/2022, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Thời hạn trả nợ do các bên thỏa thuận. Đến ngày 03/02/2023 bà H xin gia hạn thời hạn trả nợ hạn chót là ngày 03/7/2023. Để làm tin bà có giao cho bà Á 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.730,1m² thuộc thửa 208, tờ bản đồ 208 tọa lạc tại Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số ĐĐ 054408 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/08/2022 cấp cho bà Đỗ Thị H. Số tiền vay này là do bà vay mượn riêng và làm ăn kinh doanh riêng, không liên quan đến ông Nguyễn Ngọc T. Với yêu cầu khởi kiện của bà Á, cá nhân bà đồng ý trả nợ.

Bà xác định chữ ký và dấu lăn tay trên “Giấy nợ” ngày 25/10/2022 là của bà. Bà không yêu cầu giám định chữ ký và dấu lăn tay trên “Giấy nợ” ngày 25/10/2022.

Quá trình làm việc, biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà Đỗ Thị H có vay của bà Trương Thị Á số tiền 1.700.000.000 đồng, đây là khoản vay riêng của bà H, không liên quan đến ông. Số tiền vay được bà H sử dụng vào mục đích làm ăn, kinh doanh cá nhân, không dùng cho nhu cầu sinh hoạt gia đình hay chăm lo con cái và ông T hoàn toàn không sử dụng số tiền này. Đối với Giấy vay tiền lập ngày 25/10/2022, ông T không biết, không ký tên, do đó việc vay mượn giữa bà H và bà Á không có trách nhiệm của ông.

Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 054408 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/8/2022, đối với thửa đất số 208, tờ bản đồ số 208, diện tích 1.730,1m², tọa lạc tại Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận là tài sản chung của vợ chồng ông và bà H trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, bà H đã tự ý mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này giao cho bà Á làm tin khi vay tiền, không có sự đồng ý của ông, hành vi này không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà Á trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Á đối với bị đơn bà Đỗ Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Á số tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi 370.546.166 đồng (ba trăm bảy mươi triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng), tổng cộng là 2.070.546.166 đồng (hai tỷ không trăm bảy mươi triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc bà Trương Thị Á có nghĩa vụ trả lại cho bà Đỗ Thị H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 054408; số vào sổ cấp GCN: CS02955 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Đỗ Thị H ngày 31/8/2022.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Á về việc buộc ông Nguyễn Ngọc T phải liên đới với bà Đỗ Thị H trả nợ cho bà Trương Thị Á.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thanh toán và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 13/10/2025, nguyên đơn bà Trương Thị Á có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Á.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Á được thực hiện trong thời hạn luật định, nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Ánh .

Xét “Giấy nhận nợ” ngày 25/10/2022 do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Bà Trương Thị Á cho bà Đỗ Thị H vay số tiền 1.700.000.000 đồng; thời hạn vay các bên tự thỏa thuận, không xác định lãi. “Giấy nhận nợ” ngày 25/10/2022 có chữ ký của bà Đỗ Thị H. Quá trình tố tụng, tại Tòa án cấp sơ thẩm bà H thừa nhận khoản nợ, xác định chữ ký và dấu vân tay trong giấy nhận nợ là của mình, không có yêu cầu giám định. Lời khai nhận của bị đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc theo “Giấy nhận nợ” ngày 25/10/2022 với số tiền 1.700.000.000 đồng được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Ngọc T:

Xét “Giấy nợ” ngày 25/10/2022 chỉ có chữ ký của bà H, không thể hiện sự tham gia hay thỏa thuận của ông T. Ông T trình bày ông không biết, không sử dụng, không hưởng lợi từ khoản tiền vay này. Nguyên đơn kháng cáo một phần

bản án sơ thẩm cho rằng khi bà H viết Giấy nhận nợ ghi ngày 25/10/2022 cũng có mặt của ông T (chồng bà H) chứng kiến, do Giấy chứng nhận QSDĐ số ĐĐ 054408 đứng tên bà Đỗ Thị H và do tin tưởng vợ chồng bà H, ông T nên tại Giấy nhận nợ ghi ngày 25/10/2022 nguyên đơn đồng ý để bà H đại diện cho vợ chồng ký tên. Tuy nhiên, nguyên đơn trình bày nhưng không chứng minh được ông T có ký tên vào giấy nợ ngày 25/10/2022 và cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền bà H vay là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc vì lợi ích chung của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông Nguyễn Ngọc T phải liên đới cùng bà H trả nợ cho bà Trương Thị Á là có căn cứ.

[4] Về tiền lãi: Căn cứ theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Từ ngày 04/7/2023 đến ngày 09/9/2025 là 26 tháng 05 ngày:

$$[(1.700.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng}) + (1.700.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 05 \text{ ngày})] = 370.546.166 \text{ đồng}.$$

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Đỗ Thị H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Trương Thị Á số tiền 1.700.000.000 đồng và tiền lãi 370.546.166 đồng, tổng cộng là 2.070.546.166 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Á về việc buộc ông Nguyễn Ngọc T phải liên đới với bà Đỗ Thị H trả nợ cho bà Trương Thị Á là phù hợp.

[5] Đối với phần quyết định buộc bà Trương Thị Á trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị H không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Á

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Ánh .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị Á phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0028733 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 19;
- TAND Khu vực 19;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa DS, 12b (06).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Văn Luật

